

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sản án số: **77 /2026/HNGĐ-ST**

Ngày: **13 – 7 – 2026**

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Bà Phan Thị Bích .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2026, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh ngày: 01/01/1968, căn cước công dân số: 06016800****, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thanh S, sinh ngày: 01/01/1968, căn cước công dân số: 06006800****, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2026, và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Thanh S tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau như vợ, chồng từ năm 1987, cả hai có 05 người con chung là Hoàng Thị B, sinh ngày: 30/9/1989, Hoàng T, sinh ngày: 10/9/1991, Hoàng Thanh T1, sinh ngày: 13/12/1993, Hoàng Thị Mỹ S1, sinh ngày: 10/10/1996, Hoàng Thị N, sinh ngày: 28/12/1999. Đến năm 2019, bà V và ông S đăng ký kết hôn và được UBND phường B, thị xã L (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 165, ngày 11/11/2019.

Bà V và ông S2 chung với nhau từ năm 1987 tại nhà cha, mẹ ông S, quá trình sống chung cả hai phát sinh mâu thuẫn, bà V cho rằng ông S có quan hệ ngoại tình, không chung thủy, không tôn trọng bà V. Từ cuối tháng 02/2026, bà V đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sống chung với cháu Hoàng Thanh T1 cho đến nay.

Nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V ly hôn với ông S. Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình lý do dẫn đến việc bà V rời khỏi nhà, sống ly thân là do ông S chửi bới, đe dọa đánh bà V ở chỗ đông người, làm ảnh hưởng đến danh dự của bà V, đồng thời khẳng định từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng đã không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông S còn chặn cuộc gọi đến của bà V và các con sau khi bà V rời khỏi nhà, không có bất kỳ động thái nào muốn tiếp tục sống chung với bà V.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Thanh S trình bày:

Quá trình tìm hiểu, kết hôn, sống chung có con chung, đăng ký kết hôn là đúng như bà V trình bày. Tuy nhiên, ông S khẳng định ông không có quan hệ ngoại tình, mặc dù xác định không còn tình cảm với bà V nhưng vì muốn các con không bị mặc cảm khi cha mẹ ly hôn, khi làm thủ tục cưới, hỏi theo phong tục tập quán không

bị thiếu cha, thiếu mẹ. Ông S xác nhận từ cuối tháng 02/2026, vì mâu thuẫn, xung đột nhỏ nhất mà ông S và bà V không còn sống chung với nhau, hiện bà V đang sống với con tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà V.

Tại phiên tòa, ông S vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V, khẳng định bản thân vẫn còn tình cảm với bà V, việc đe dọa đánh bà V là do ông đã cấm bà V giao lưu, tiếp xúc với những người không đáng hoàng nhưng do bà V không nghe lời mà tiếp tục thực hiện nên ông S chỉ hù dọa, chứ không có chủ đích sẽ đánh bà V. Lý do ông chặn cuộc gọi đến là do bà V rời khỏi nhà mà không nói với ông S. Mặc dù vậy, ông S thừa nhận rằng kể từ khi hai vợ, chồng sống ly thân cho đến nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà V thì cuộc sống sau đó của ông S, bà V vẫn sẽ như vậy, nghĩa là ông S tiếp tục sống với mẹ tại tổ dân phố B, phường L, tỉnh Lâm Đồng, còn bà V sống cùng con tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà V và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Thanh S, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Hoàng Thanh S có nơi cư trú tại tổ dân phố A B, phường L, tỉnh Lâm Đồng (nay là tổ dân phố B, phường L, tỉnh Lâm Đồng) nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà V cho rằng ông S có quan hệ ngoại tình, không chung thủy, không tôn trọng bà V, có hành vi đe dọa đánh bà V ở nơi đông người làm ảnh hưởng đến danh dự của bà V nên từ cuối tháng 02/2026, bà chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sống cùng con là ông Hoàng Thanh T1, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông S khẳng định bản thân vẫn còn tình cảm với bà V, do bà V giao tiếp với người mà ông S không cho nên ông S chỉ hù dọa đánh chứ không có chủ đích đánh bà V, sau khi bà V đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, ông S đã chặn cuộc gọi đến của bà V và cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện sự quan tâm, chăm sóc, hóa giải mâu thuẫn để về sống chung với nhau, ông S cũng thừa nhận rằng nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V thì ông, bà vẫn tiếp tục sống ly thân như hiện nay.

[3] Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*” (Khoản 2 Điều 19); “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho **hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được***” (Khoản 1 Điều 56); khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: **vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc**

chồng”. Trên cơ sở thông tin về tình trạng hôn nhân do các bên trình bày, căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà V và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 14 Điều 3, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Hoàng Thanh S.

2. Về án phí và xử lý tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu số 0009370, ngày 20/5/2026.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đình Phú